

ĐỒNG CHÍ TÔN ĐỨC THẮNG NGƯỜI CHIẾN SĨ CỘNG SẢN KIÊN TRUNG TRONG NHÀ TÙ ĐẾ QUỐC

PGS, TS TRẦN MINH TRƯỜNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, đồng chí Tôn Đức Thắng trải qua 15 năm trong lao tù của đế quốc. Là người sáng lập và lãnh đạo chi bộ đặc biệt của Côn Đảo, người sáng lập và lãnh đạo Hội tù nhân, Tôn Đức Thắng được anh em khâm phục và tín nhiệm bởi tính kiên cường trong đấu tranh với kẻ thù, mẫu mực về nhân cách cộng sản, là trung tâm đoàn kết của chi bộ và của Hội tù nhân với tấm lòng nhân hậu, yêu thương hết mực đồng chí, đồng bào, đồng chí Tôn Đức Thắng thực sự là tấm gương về chủ nghĩa anh hùng cách mạng để các thế hệ kế tục học tập noi theo.

Từ khóa: Tôn Đức Thắng; chiến sĩ cộng sản kiên trung

Tháng 12 năm 1928, xảy ra vụ án ở đường Bắcbiê (Barbier), trong quá trình điều tra, mật thám Pháp tình cờ phát hiện được nhiều tài liệu của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. Lập tức chúng tổ chức các cuộc lùng sục, bắt bớ hàng loạt hội viên của Kỳ bộ Thanh niên Nam Kỳ. Chỉ một số ít đồng chí lãnh đạo của Kỳ bộ được tin báo kịp thời, nên đã bí mật tạm lánh sang Trung Quốc tránh sự khủng bố của địch như Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Trần Phạm Hồ, Nguyễn Khoa Hiên, còn lại hầu hết lãnh đạo của Kỳ bộ đều bị bắt. Đến cuối tháng 7-1929, các đồng chí Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng cũng sa lưới mật thám.

Sau 1 năm bị giam cầm, tra tấn tại Khám Lớn Sài Gòn, ngày 25-6-1930, Tòa đại hình đã đưa đồng chí Tôn Đức Thắng và nhiều chiến sĩ cộng sản khác ra xử ở Sài Gòn. Mặc dù không có chứng cứ, bọn thực dân vẫn kết án các đồng chí: Phạm Văn Đồng -10 năm tù giam, Tôn Đức Thắng-20 năm tù khổ sai và đày ra Côn Đảo.

Ngày 3-7-1930, con tàu Ácmăng Rútxô (Hardmand Rousseaus) chở Tôn Đức Thắng và nhiều chính trị phạm vượt biển ra Côn Đảo, nơi được mệnh danh là “Địa ngục trần gian”.

Đến Côn Đảo, Tôn Đức Thắng bị địch đưa về nhốt chung với tù khổ sai thường phạm ở Banh I. Chứa ngục bấy giờ là tên Buvie (Bouvier) có biệt danh “Mặt lợn” khét tiếng gian ác. Dưới sự chỉ huy của chúa ngục Buvie, quản ngục, mã tà hàng ngày tra tấn, hành hạ tù nhân không kể ngày đêm, nhà tù Côn Đảo trở thành một cái lò sát sinh theo đúng nghĩa. Chỉ tính riêng trong năm 1930 (từ khi đồng chí Tôn Đức Thắng ra đảo), nhất là sau cơn bão lớn cuối năm, nghĩa địa Hàng Dương đã vùi xác 311 tù nhân, chiếm tỷ lệ cao nhất trong số tù chết của các nhà tù Đông Dương. Nhiều nhà giam trên đảo bị bão tàn phá, không kịp sửa, tù phải sống màn trời chiếu đất, bệnh tật cùng với sự ngược đãi của nhà tù mỗi ngày lại cướp đi biết bao sinh mệnh tù nhân. Một số tù chính trị ở Banh II như: Nguyễn Hối, Nguyễn Văn Hoan, Tống Văn Trân... vì địch

không đủ chỗ giam, nên bị đưa sang nhốt chung với thường phạm ở Banh I. Bọn địch không ngờ chúng đã tạo điều kiện cho những người tù cộng sản liên lạc với nhau.

Đồng chí Tôn Đức Thắng đã cùng các đảng viên cộng sản như Nguyễn Hới, Nguyễn Văn Hoan, Tổng Văn Trân... bàn bạc và thống nhất vận động thành lập tổ chức *Hội cứu tế* giúp đỡ tù nhân trong các khám. Nhiệm vụ chủ yếu của *Hội cứu tế* là lo thuốc men, cử người chăm sóc mỗi khi có tù nhân ốm đau. Việc làm này chẳng những động viên khích lệ rất lớn về mặt tư tưởng, tình cảm đối với những người tù, mà còn cảm hóa được nhiều tù thường phạm, kể cả những người được coi là những tay “anh chị”, quen giành giật miếng cơm, manh áo của anh em tù. Thậm chí nhiều người còn xin vào hội, hăng hái đấu tranh đòi cải thiện điều kiện sống tù nhân, chống chế độ hà khắc của chế độ nhà tù.

Đến cuối năm 1930, trên cơ sở kinh nghiệm tổ chức hội cứu tế của tù nhân, đồng chí Tôn Đức Thắng và một số tù cộng sản lại bàn bạc với nhau và quyết định thành lập ra: *Hội những người tù đồ* làm hạt nhân, đại diện cho anh em tù, đứng ra thương thuyết, tranh đấu với cai ngục, quản tù.

Hội những người tù đồ tín nhiệm bầu Tôn Đức Thắng làm *Hội trưởng*, các thành viên nòng cốt có: Nguyễn Hới, Nguyễn Văn Hoan, Trần Học Hải (tức Trần Văn Sửu), Phan Văn Bảy, Tạ Uyên, Tổng Văn Trân... và một số đồng chí khác.

Nhiệm vụ quan trọng nhất của *Hội những người tù đồ* là vận động, giáo dục, giác ngộ các tù nhân về lý tưởng cách mạng (chủ yếu là tù thường phạm). Mặt khác, *Hội những người tù đồ* còn có nhiệm vụ tổ chức, lãnh đạo các tù nhân đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi chấm dứt việc hành hạ, tra tấn tù nhân.

Dưới sự lãnh đạo của Tôn Đức Thắng, *Hội những người tù đồ* hoạt động khá tích cực, đã buộc bọn quản ngục phải chấp nhận một số yêu cầu chính đáng của tù nhân như: tù ốm đau được đi khám

bệnh, phát thuốc, bữa ăn hàng ngày cũng phần nào được cải thiện, do đó tỷ lệ tù nhân bị chết do bị hành hạ, tra tấn dã man cũng giảm đi, tinh thần của tù nhân phần khởi, lạc quan hơn, ngày càng tin tưởng lẫn nhau và tin vào tổ chức *Hội những người tù đồ*. Tình hình khá thuận lợi, đồng chí Tôn Đức Thắng đề nghị với các đảng viên cộng sản xúc tiến thành lập chi bộ Đảng Cộng sản ở Banh I.

Đầu năm 1932, chi bộ Đảng Cộng sản Banh I đã được thành lập ở Khám Chi Tồn. Đồng chí Nguyễn Hới, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định, được cử làm Bí thư chi bộ, đồng chí Tôn Đức Thắng tham gia chi ủy và được phân công phụ trách *Hội những người tù đồ*, đồng thời có nhiệm vụ thiết lập đường dây liên lạc với chi bộ Banh II (tù chính trị) và liên lạc với cả đất liền. Mọi vấn đề đang được vận hành trơn tru, các mối liên lạc đã được thiết lập và hoạt động đều đặn, thì đến cuối tháng 12-1932, một mối liên lạc trong tù do đồng chí Tôn Đức Thắng phụ trách bị địch phát hiện. Ngay lập tức, tên chúa ngục Buvie ra lệnh phạt giam Tôn Đức Thắng vào Hàm xay lúa-nơi hành hạ dã man đối với các tù nhân.

Bọn địch gọi Hàm xay lúa là khu “Trừng giới”, bởi vì trong Hàm xay lúa, ngoài việc bị bắt lao động khổ sai, những người tù phải xay lúa bằng chiếc cối xay to tương được làm bằng chiếc thùng tô nộm đựng rượu vang, người tù còn phải chịu nhiều cực hình thân xác. Thời gian trong Hàm xay lúa khó phân định, người tù phải chịu cảnh tối tăm, ngày cũng như đêm, vì chỉ có một thứ ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn dầu leo lét. Không khí trong Hàm xay lúa rất ngột ngạt, bụi mù mịt bốc lên từ cối xay, từ các bao tải cũ. Những người tù lúc nào cũng phải ở trần, mồ hôi nhơm nhớp vì nóng bức làm cho bụi trâu bám vào da thịt, da thịt của người nào cũng lở loét rất đau đớn. Ngoài ra, trong Hàm xay lúa còn có nạn áp bức của “cặp răng”, đó là những tay đao búa, lưu manh được cai ngục cho làm “cặp răng”

để điều hành công việc trong tù, nhưng chủ yếu là hành hạ tù nhân, một kiểu “dùng tù trị tù” khá phổ biến trong các nhà tù thời Pháp.

Khi Tôn Đức Thắng vào Hàm xay lúa, tên giám thị Phérandi (Ferandini) chỉ định làm “cặp rắng”, (tại đây đã có 1 “cặp rắng” chính và 4 “cặp rắng” phụ, chúng vừa thanh toán lẫn nhau), với ý đồ dùng bọn lưu manh để trị những người tù cộng sản. Nhưng mưu đồ đen tối của chúng đã không thực hiện được, với uy tín của Tôn Đức Thắng cùng với sự giúp đỡ, ủng hộ của một số tù cộng sản như: Tô Chấn, Nguyễn Văn Hoan..., số tù thường phạm đã bị cảm hóa, một số “cặp rắng” cũ cũng trở thành phụ tá đắc lực trong công việc hàng ngày. Hội cứu tế tù nhân được thành lập ngay trong Hàm xay lúa, những người ốm đau được chăm sóc, thuốc men chu đáo, buổi tối còn có lớp học văn hóa cho những người không biết chữ, không khí đoàn kết dần dần thay thế cho sự hận thù chia rẽ trước đây.

Sau khi mãn hạn thời gian bị phạt ở Hàm xay lúa, địch đưa đồng chí Tôn Đức Thắng trở lại Banh I giam ở Khám 8-9. Thời gian này, nhiều tù cộng sản từ các nhà tù Hỏa Lò, Sơn La tiếp tục bị đưa ra Côn Đảo, bổ sung vào cả Banh I và Banh II, chi bộ nhà tù vì thế cũng có thêm nhiều đảng viên. Nhằm mở rộng sự đoàn kết giữa các tù nhân, chi bộ Banh I chỉ đạo tổ chức Hội nghị đại biểu tù nhân¹, quyết định cải tổ *Hội những người tù* thành *Hội tù nhân* thống nhất với nhiệm vụ chủ yếu là: Giúp đỡ lẫn nhau trong lúc ốm đau và trong việc làm, đấu tranh đòi cải thiện sinh hoạt, giảm nhẹ khổ sai và tổ chức học văn hóa cho anh em tù. Đồng chí Tôn Đức Thắng được cử vào Ban lãnh đạo *Hội tù nhân*, các đồng chí Ngô Gia Tự, Trần Quang Tạng, Nguyễn Hới được cử vào Ban lãnh đạo chung toàn đảo.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ nhà tù và *Hội tù nhân*, trong các năm từ 1934 đến 1936 nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra ở tất cả các Banh, buộc địch phải cải thiện đời sống và chế độ lao động khổ sai đối

với tù nhân. Chi bộ Chi Tôn dưới sự chỉ đạo của Tôn Đức Thắng trở thành mối liên lạc chính giữa các chi bộ trên đảo và với đất liền. Sau này Chi bộ Chi Tôn trở thành chi bộ đặc biệt của Đảng ủy Côn Đảo. Nhiều tài liệu, sách báo cộng sản được chuyển qua cơ sở của ta trên tàu viễn dương kịp thời phục vụ cho yêu cầu thông tin và học tập của anh em tù chính trị.

Cuối năm 1936, với thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp và với sự đấu tranh của nhân dân ta, nhiều chính trị phạm ở nhà tù Côn Đảo đã được trả tự do, trở về đất liền. Chi bộ nhà tù được củng cố lại, *Hội tù nhân* vẫn tiếp tục được duy trì hoạt động, nề nếp sinh hoạt của tù nhân vẫn cơ bản được giữ vững.

Tuy nhiên đến cuối năm 1938, phái hữu thắng thế trong Chính phủ Pháp, chế độ cai trị ở thuộc địa cũng có nhiều thay đổi, chính quyền Pháp trở mặt, quay lại với chính sách đàn áp, bắt bớ khủng bố những người hoạt động tích cực trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Bọn cai ngục ở nhà tù Côn Đảo cũng tỏ thái độ “cứng rắn” đối với các yêu cầu đòi cải thiện sinh hoạt của anh em tù, nhất là vấn đề cấp phát thuốc cho tù nhân khi ốm đau. Tù nhân ốm đau với bất cứ bệnh gì, chúng cũng chỉ cho nước vôi và bột than, cùng lắm khi đưa vào cấp cứu mới được tiêm một vài ống thuốc làm hồi sức. Vì vậy, trong thời gian này, tù nhân đau yếu hàng loạt, phổ biến là các căn bệnh ghê lở, kiết lỵ, những căn bệnh này làm suy kiệt sức lực vốn đã yếu ớt vì bị lao dịch quá mức của người tù, cho nên ngày nào cũng có người chết. Nhất là từ cuối năm 1941 đến năm 1943, tù nhân chết quá nhiều, riêng Banh II tù chính trị, có ngày chết tới 20 người.

Đứng trước tình hình địch trở mặt khủng bố ác liệt, chi bộ nhà tù và *Hội tù nhân* đặt ra nhiệm vụ quan trọng lúc này là phải bằng mọi cách bảo vệ tính mạng tù nhân, bảo vệ cán bộ của Đảng. *Hội tù nhân* tổ chức cho anh em tìm kiếm thuốc men, tự chế thuốc nam bằng các thứ cây cỏ trên đảo để chữa

bệnh. Đồng chí Tôn Đức Thắng lúc này đang làm ở Sở Lưới, có sáng kiến pha chế dung dịch a xít nhẹ làm thuốc chữa bệnh ghẻ. Mỗi lần lái ca nô đi lưới về, Bác Tôn lại bí mật giặt những con cá nhỏ vào áo toi, đem về cho anh em nấu chín rồi chuyển vào tiếp tế cho các Banh tù bị cấm cố. Nhờ cố gắng của tất cả anh em tù, với tinh thần thương người như thể thương thân, nhiều người tù đã thoát khỏi lưới hái của tử thần trong gang tấc.

Cuối năm 1941, tình hình trên đảo có một số biến động lớn: tên chúa đảo Buvie đã bị điều về Sài Gòn, tình hình tưởng chừng dễ chịu hơn, nhưng do có sự phản bội, nhiều cơ sở đảng trong nhà tù bị địch phát hiện và các đảng viên bị khủng bố.

Sau đợt này, Chi ủy nhà tù Côn Đảo được củng cố lại: đồng chí Nguyễn Duy Trinh tiếp tục được tin nhiệm làm Bí thư, đồng chí Phạm Hùng, Tôn Đức Thắng, Lê Văn Lương làm Chi ủy viên.

Tiếp tục được Đảng ủy giao phụ trách tổ chức *Hội tù nhân*, đồng chí Tôn Đức Thắng đưa ra đề nghị cải tiến về mặt tổ chức, theo hình thức hoạt động công khai, mỗi Khám cử ra các Ban phụ trách các mặt công tác: Ban trật tự; Ban học tập; Ban vệ sinh; Ban cứu tế, tất cả các Ban đều chịu sự chỉ đạo của chi bộ. Nhờ có sự cải tiến hoạt động, đấu tranh, từ cuối năm 1941, tình hình sức khỏe của tù nhân được chăm sóc chu đáo hơn, đã được cải thiện đáng kể, các nạn bệnh dịch kiệt ly, ghẻ lở đã bị chặn đứng.

Từ năm 1943, diễn biến của cuộc Chiến tranh thế giới II ngày càng ác liệt, tình hình Đông Dương cũng đã có sự thay đổi bởi sự có mặt của phát xít Nhật. Nắm sát thông tin diễn biến hàng ngày, đồng chí Tôn Đức Thắng cùng các đồng chí trong Đảng ủy tích cực chỉ đạo công tác vận động binh lính ủng hộ ta, chuẩn bị và tổ chức vượt ngục cho nhiều đảng viên cộng sản trở về tham gia cách mạng.

Tháng 9-1945, nghe tin Nhật đã đầu hàng Đồng minh, Đảng ủy nhà tù Côn Đảo đã cử đoàn đại biểu gồm các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng,

Trần Ngọc Danh, Lã Vĩnh Lợi đến gặp chúa đảo Lê Văn Trà, yêu cầu trao chính quyền trên đảo cho những người tù cộng sản. Mặc dù yêu cầu không được chấp nhận, nhưng chúa đảo phải đồng ý tổ chức chính quyền liên hiệp ở Côn Đảo, cho sửa radiô để nghe tin tức và sửa canô để đưa đại biểu về đất liền xin ý kiến của Chính phủ.

Trên cơ sở đó, *Hội đồng Liên hiệp quốc dân Côn Đảo* ra đời, gồm chủ yếu là tù cộng sản trong đó có Tôn Đức Thắng. Hội đồng lãnh trách nhiệm thu số vũ khí của binh lính trên đảo và thành lập lực lượng bảo vệ Côn Đảo do các anh em tù cộng sản đảm trách (Đoàn phòng thủ Côn Đảo).

Ngày 16-9-1945, chiếc tàu Phú Quốc do Xứ ủy Nam Kỳ cử ra đảo để đón tù chính trị đã cập bến Cỏ Ống. Đồng chí Tôn Đức Thắng và Lã Vĩnh Lợi được cử đến liên hệ rồi đưa tàu cập cầu tàu Côn Đảo trước sự đón mừng của đông đảo anh em tù nhân.

Ngày 17-9-1945, Tôn Đức Thắng cùng các đồng chí của mình tham gia cuộc mít tinh tại sân vận động, nghe đại diện của Chính phủ: đồng chí Tường Dân Báo tuyên bố Côn Đảo chính thức thuộc chủ quyền Việt Nam và là mảnh đất tự do, độc lập.

Ngày 23-9-1945, tàu Phú Quốc và 25 chiếc tàu, thuyền khác đưa 1.800 tù chính trị trở về đất liền. Cầm lái chiếc canô mang tên Giải Phóng, đồng chí Tôn Đức Thắng cùng đoàn tù chính trị trở về với đất mẹ yêu thương sau 15 năm xa cách, chấm dứt những ngày bị dày ải gian khổ trong ngục tù đế quốc.

Trong suốt 15 năm bị giam cầm tại Côn Đảo, đồng chí Tôn Đức Thắng thực sự trở thành linh hồn của tù chính trị Côn Đảo. Đồng chí đã trở thành tấm gương mẫu mực về phẩm chất trung kiên của chiến sĩ cộng sản trong lao tù đế quốc.

1. Hội nghị này được tổ chức vào mùa Hè năm 1934 tại một động cát phía sau Sở Chuồng bò.